

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 02/2000/  
NĐ-CP ngày 03/2/2000 về đăng ký  
kinh doanh.**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12 tháng 6 năm 1999;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

*Chương I*

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh.

Nghị định này quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh và việc đăng ký kinh doanh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể.

**Điều 2.** Quyền đăng ký kinh doanh.

1. Thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật là quyền của công dân và tổ chức được Nhà nước bảo hộ.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không được ban hành các quy định về đăng ký kinh doanh áp dụng riêng cho ngành hoặc địa phương mình.

3. Nghiêm cấm cơ quan đăng ký kinh doanh sách nhiễu, gây phiền hà đối với tổ chức, cá nhân

trong khi tiếp nhận hồ sơ và giải quyết việc đăng ký kinh doanh, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh.

*Chương II*

**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TỔ CHỨC  
BỘ MÁY CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
KINH DOANH**

**Điều 3.** Cơ quan đăng ký kinh doanh.

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh được tổ chức ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) và ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), bao gồm:

a) Phòng đăng ký kinh doanh trong Sở Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi chung là Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh);

b) Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi chung là Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện).

2. Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện có con dấu riêng.

**Điều 4.** Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký kinh doanh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp.

2. Hướng dẫn người đăng ký kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh phải có điều kiện và điều kiện kinh doanh các ngành, nghề đó.

3. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin về doanh nghiệp trong phạm vi địa phương; cung cấp thông tin về doanh nghiệp trong phạm vi địa phương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Sở có

0966126  
 \* www.ThuVienPhapLuat.com  
 \* Tel: +84-8-3845 6684  
 \* LawSoft



liên quan và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo định kỳ, cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

4. Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo tình hình kinh doanh của doanh nghiệp khi xét thấy cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 116 Luật Doanh nghiệp; đơn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 118 Luật Doanh nghiệp.

5. Sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nếu phát hiện các thông tin đã kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo, thì gửi thông báo yêu cầu doanh nghiệp hiệu đính. Sau thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày gửi thông báo mà không nhận được thông báo hiệu đính của doanh nghiệp thì tiến hành xác minh các nội dung trong hồ sơ đăng ký kinh doanh. Sau khi kiểm tra và đã xác định rõ mức độ vi phạm các quy định về đăng ký kinh doanh thì trực tiếp xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm các quy định tại khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 5.** Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện.

1. Tiếp nhận đơn đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể, xem xét tính hợp lệ của đơn đăng ký kinh doanh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể.

2. Hướng dẫn người đăng ký kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh phải có điều kiện và điều kiện kinh doanh các ngành, nghề đó.

3. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin về hộ kinh doanh cá thể trong phạm vi địa phương; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh về hộ kinh doanh cá thể.

4. Phối hợp xác minh theo yêu cầu của Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh về nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với các doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong phạm vi huyện.

5. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh cá thể trong các trường hợp sau đây:

a) Không tiến hành hoạt động kinh doanh trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Ngừng hoạt động kinh doanh quá ba mươi ngày liên tục mà không thông báo với Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đăng ký kinh doanh;

c) Chuyển địa điểm kinh doanh sang quận, huyện khác;

d) Kinh doanh ngành, nghề bị cấm.

**Điều 6.** Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đăng ký kinh doanh.

1. Ban hành theo thẩm quyền những văn bản về chuyên môn, nghiệp vụ, biểu mẫu phục vụ cho công tác đăng ký kinh doanh.

2. Hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đăng ký kinh doanh cho cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh.

3. Quy định chế độ báo cáo về công tác đăng ký kinh doanh và kiểm tra việc chấp hành chế độ báo cáo đó trong phạm vi toàn quốc.

4. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin về doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc; cung cấp thông tin về doanh nghiệp cho các cơ quan có liên quan của Chính phủ theo định kỳ, cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

5. Phát hành bản tin về doanh nghiệp để công bố thông tin về thành lập, giải thể, phá sản doanh nghiệp, về thay đổi nội dung đăng ký kinh



doanh của doanh nghiệp và các thông tin về pháp luật trong kinh doanh.

6. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh.

### Chương III

## TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KINH DOANH ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP

### Điều 7. Hồ sơ đăng ký kinh doanh.

1. Hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần bao gồm:

a) Đơn đăng ký kinh doanh lập theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định;

b) Điều lệ công ty;

c) Danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có từ hai thành viên trở lên, danh sách cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần.

Đối với công ty kinh doanh các ngành, nghề phải có vốn pháp định, thì phải có thêm xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc chứng chỉ hợp pháp chứng minh về số vốn của công ty.

Đối với công ty kinh doanh các ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề, thì phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một trong số những người quản lý công ty theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Luật Doanh nghiệp.

2. Hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với công ty hợp danh bao gồm:

a) Đơn đăng ký kinh doanh lập theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định;

b) Điều lệ công ty;

c) Danh sách thành viên hợp danh.

Đối với công ty kinh doanh các ngành, nghề phải có vốn pháp định, thì phải có thêm xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc chứng chỉ hợp pháp chứng minh về số vốn của công ty.

Đối với công ty kinh doanh các ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề, thì phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của các thành viên hợp danh.

3. Hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp tư nhân bao gồm:

Đơn đăng ký kinh doanh lập theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định.

Đối với doanh nghiệp tư nhân kinh doanh các ngành, nghề phải có vốn pháp định, thì phải có thêm xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc chứng chỉ hợp pháp chứng minh về số vốn của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp tư nhân kinh doanh các ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề, thì phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc giám đốc quản lý doanh nghiệp.

**Điều 8.** Trình tự và thủ tục đăng ký kinh doanh.

Trình tự và thủ tục đăng ký kinh doanh được thực hiện như sau:

1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện nộp đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Nghị định này tại Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh không được yêu cầu người thành lập doanh nghiệp nộp thêm bất kỳ giấy tờ nào khác ngoài hồ sơ quy định tại Điều 7 Nghị định này đối với từng loại hình doanh nghiệp.



2. Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh. Khi tiếp nhận hồ sơ, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phải trao giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

3. Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu:

- a) Ngành, nghề kinh doanh không thuộc danh mục ngành, nghề cấm kinh doanh;
- b) Tên doanh nghiệp được đặt đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Doanh nghiệp;
- c) Hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Doanh nghiệp;
- d) Nộp đủ lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp được khắc dấu và có quyền sử dụng con dấu của mình.

4. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc tên doanh nghiệp không được đặt theo đúng quy định, thì Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ. Thông báo phải nêu rõ nội dung cần sửa đổi và cách thức sửa đổi. Quá thời hạn nói trên mà không có thông báo, thì tên của doanh nghiệp coi như được chấp nhận, hồ sơ đăng ký kinh doanh được coi là hợp lệ.

5. Nếu sau mười lăm ngày, kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh, mà không nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thì người thành lập doanh nghiệp có quyền khiếu nại đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh. Sau thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nộp đơn khiếu nại, mà không nhận được trả lời của Phòng đăng ký

kinh doanh cấp tỉnh, thì người thành lập doanh nghiệp có quyền khiếu nại lên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc kiện ra Tòa hành chính cấp tỉnh nơi nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

6. Kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp có quyền hoạt động kinh doanh mà không cần phải xin phép bất cứ cơ quan nhà nước nào, trừ trường hợp doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề phải có điều kiện.

7. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan quản lý ngành kinh tế kỹ thuật cùng cấp, Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

8. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp có hiệu lực trong phạm vi toàn quốc.

**Điều 9. Đăng ký lập chi nhánh, văn phòng đại diện.**

1. Khi lập chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp phải gửi thông báo tới Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện. Nội dung thông báo gồm có:

- a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
- b) Ngành, nghề kinh doanh;
- c) Họ tên, chữ ký và nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;
- d) Tên và địa chỉ trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện;
- e) Nội dung, phạm vi hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;
- e) Họ tên, nơi cư trú của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.



2. Kèm theo thông báo quy định tại khoản 1 Điều này, phải có:

a) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Bản sao Điều lệ công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh.

3. Nếu ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện phù hợp với nội dung hoạt động của doanh nghiệp thì trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, chi nhánh, văn phòng đại diện được khắc dấu và có quyền sử dụng con dấu của mình.

Sau thời hạn bảy ngày, kể từ ngày gửi thông báo quy định tại khoản 1 Điều này đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, mà chi nhánh, văn phòng đại diện không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, thì doanh nghiệp có quyền khiếu nại theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định này.

4. Trường hợp doanh nghiệp lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố khác nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, thì trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản tới Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và bổ sung vào hồ sơ đăng ký kinh doanh.

5. Việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó.

Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày chính thức mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, doanh nghiệp phải thông báo bằng

văn bản cho Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký kinh doanh.

**Điều 10.** Đăng ký bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh.

1. Khi bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đã đăng ký. Nội dung thông báo gồm có:

a) Tên doanh nghiệp, số đăng ký kinh doanh, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;

c) Ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký;

d) Ngành, nghề đăng ký bổ sung hoặc thay đổi;

đ) Họ tên, chữ ký và nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

Đối với ngành, nghề đăng ký bổ sung là ngành, nghề phải có vốn pháp định, thì phải có thêm xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc chứng chỉ hợp pháp chứng minh số vốn của doanh nghiệp.

Đối với ngành, nghề đăng ký bổ sung là ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề, thì phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề theo quy định.

2. Khi nhận thông báo, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phải trao giấy biên nhận và xác định ngày ghi đăng ký bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh vào bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận thông báo.

Sau thời hạn bảy ngày nói trên mà doanh nghiệp không được đăng ký bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh, thì doanh nghiệp vẫn có quyền kinh doanh ngành, nghề đó, trừ trường hợp ngành, nghề đăng ký bổ sung, thay đổi là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.



**Điều 11.** Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp.

1. Khi chuyển địa chỉ trụ sở chính đến nơi khác trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Nội dung thông báo gồm có:

a) Tên doanh nghiệp, số đăng ký kinh doanh, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;

c) Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến;

d) Họ tên, chữ ký và nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

Khi nhận thông báo, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phải trao giấy biên nhận và xác định ngày ghi đăng ký chuyển địa chỉ trụ sở chính vào bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận thông báo.

Sau thời hạn bảy ngày nói trên mà doanh nghiệp vẫn không được đăng ký chuyển địa chỉ trụ sở chính, thì doanh nghiệp vẫn có quyền chuyển sang trụ sở mới, nhưng phải gửi thông báo về địa chỉ trụ sở mới cho tất cả các chủ nợ biết trước khi chuyển địa chỉ.

2. Khi chuyển địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp sang tỉnh khác, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đã đăng ký và Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở mới. Nội dung thông báo gồm có:

a) Tên doanh nghiệp, số đăng ký kinh doanh, ngày và nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;

c) Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến;

d) Họ tên, chữ ký và nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

Kèm theo thông báo gửi đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở mới, phải có Điều lệ công ty và danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có từ hai thành viên trở lên, danh sách cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần, danh sách thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh.

Trường hợp tên của doanh nghiệp không trùng hoặc không gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký trong phạm vi địa phương nơi doanh nghiệp chuyển đến, thì Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở mới, đăng ký việc chuyển đổi địa chỉ trụ sở chính và cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

Trường hợp tên của doanh nghiệp trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký trong phạm vi địa phương nơi doanh nghiệp chuyển đến, thì trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở mới phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết, đồng thời hướng dẫn doanh nghiệp chọn tên khác và thay đổi các nội dung có liên quan trong hồ sơ của doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đăng ký chuyển đổi địa chỉ trụ sở chính khi doanh nghiệp thực hiện đúng các yêu cầu nói trên.

Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp phải gửi bản sao hợp lệ đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, nơi trước đây doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh.

3. Việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh



nghiệp không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

**Điều 12. Đăng ký đổi tên doanh nghiệp.**

1. Khi đổi tên, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, nơi doanh nghiệp đã đăng ký. Nội dung thông báo gồm có:

a) Tên hiện tại của doanh nghiệp; số đăng ký kinh doanh và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;

c) Tên dự kiến thay đổi;

d) Họ tên, chữ ký và nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

2. Khi nhận thông báo, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phải trao giấy biên nhận và xác định ngày ghi đăng, ký đổi tên vào bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

Trường hợp tên dự kiến thay đổi của doanh nghiệp không trùng hoặc không gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký, thì Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đăng ký đổi tên và ghi tên mới vào bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

Trường hợp tên dự kiến thay đổi của doanh nghiệp trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký, thì Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết, đồng thời hướng dẫn doanh nghiệp chọn tên khác và đăng ký đổi tên doanh nghiệp như quy định tại Điều này.

3. Việc thay đổi tên của doanh nghiệp không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

**Điều 13. Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.**

1. Trường hợp công ty hợp danh tiếp nhận thành viên hợp danh, khai trừ thành viên hợp danh, có thành viên hợp danh rút khỏi công ty, thì công ty hợp danh gửi thông báo đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, nơi công ty đăng ký kinh doanh. Nội dung thông báo gồm có:

a) Tên công ty, số đăng ký kinh doanh, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Địa chỉ trụ sở chính của công ty;

c) Họ tên, nơi cư trú của thành viên hợp danh mới; của thành viên hợp danh bị khai trừ hoặc tự nguyện rút khỏi công ty;

d) Chữ ký của tất cả thành viên hợp danh hoặc thành viên hợp danh được ủy quyền.

Khi nhận thông báo, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy biên nhận và xác định ngày ghi đăng ký thay đổi thành viên hợp danh vào bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận thông báo.

2. Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần, thì công ty gửi thông báo đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty đã đăng ký. Nội dung thông báo gồm có:

a) Tên công ty, số đăng ký kinh doanh, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Địa chỉ trụ sở chính của công ty;

c) Họ tên, chức danh, nơi cư trú của người đang là đại diện theo pháp luật của công ty;

d) Họ tên, chức danh, nơi cư trú của người thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty;

e) Họ tên và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên, của người đại diện theo pháp luật của công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần.



Khi nhận thông báo, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy biên nhận và xác định ngày ghi đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty vào bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận thông báo.

**Điều 14.** Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân và vốn điều lệ của công ty.

1. Trường hợp vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp giảm xuống mức thấp hơn số vốn đầu tư đã đăng ký, thì chủ doanh nghiệp phải thông báo về việc giảm vốn đó với Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đã đăng ký. Nội dung thông báo gồm có:

- a) Tên doanh nghiệp, số đăng ký kinh doanh, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- b) Họ tên, chữ ký và nơi cư trú của chủ doanh nghiệp;
- c) Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
- d) Ngành, nghề kinh doanh;
- d) Mức vốn đầu tư đã đăng ký và mức vốn đăng ký sau khi giảm.

Khi nhận thông báo, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy biên nhận và xác định ngày ghi đăng ký giảm vốn đầu tư vào bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận thông báo, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

Chủ doanh nghiệp có quyền tăng hoặc giảm vốn đầu tư của mình mà không cần khai báo với Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, nếu số vốn đầu tư đã bị giảm không thấp hơn số vốn đầu tư đã đăng ký.

2. Khi tăng, giảm vốn điều lệ, công ty gửi thông báo đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty đã đăng ký. Nội dung thông báo gồm có:

- a) Tên công ty, số đăng ký kinh doanh, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- b) Địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- c) Ngành, nghề kinh doanh;
- d) Vốn điều lệ đã đăng ký và vốn điều lệ đăng ký sau khi tăng hoặc giảm;
- d) Họ tên, chữ ký và nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc của thành viên hợp danh được ủy quyền đối với công ty hợp danh.

Khi nhận thông báo, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy biên nhận và xác định ngày ghi đăng ký thay đổi vốn điều lệ vào bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho công ty trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận thông báo, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định, thì Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chỉ đăng ký giảm vốn đầu tư hoặc vốn điều lệ, nếu mức vốn đăng ký sau khi giảm không thấp hơn mức vốn pháp định áp dụng đối với ngành, nghề đó.

**Điều 15.** Thông báo tạm ngừng hoạt động.

Doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động phải thông báo bằng văn bản cho Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đã đăng ký và cơ quan thuế ít nhất mười lăm ngày trước khi tạm ngừng hoạt động. Nội dung thông báo gồm có:

1. Tên doanh nghiệp, số đăng ký kinh doanh và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
3. Ngành, nghề kinh doanh;
4. Thời hạn tạm ngừng hoạt động, ngày bắt đầu và ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng hoạt động;



### 5. Lý do tạm ngừng hoạt động.

Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nhận thông báo và ghi vào sổ theo dõi.

**Điều 16.** Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

1. Trường hợp doanh nghiệp không tiến hành hoạt động kinh doanh trong thời hạn một năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp, thì Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo bằng văn bản về việc vi phạm và yêu cầu doanh nghiệp phải hoạt động kinh doanh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thông báo.

Sau thời hạn mười lăm ngày, nếu doanh nghiệp vẫn không hoạt động kinh doanh, thì Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến trụ sở của Phòng để giải trình.

Trường hợp người được yêu cầu không đến, thì Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh công bố công khai hành vi vi phạm của doanh nghiệp và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh một năm liên tục mà không thông báo với Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp, thì Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo bằng văn bản về việc vi phạm và yêu cầu doanh nghiệp báo cáo lý do về việc tạm ngừng kinh doanh và thời điểm bắt đầu tiếp tục kinh doanh.

Sau thời hạn mười lăm ngày, nếu doanh nghiệp không báo cáo, thì Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến trụ sở của Phòng để giải trình.

Trường hợp người được yêu cầu không đến,

thì Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh công bố công khai hành vi vi phạm của doanh nghiệp và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Trường hợp doanh nghiệp không báo cáo về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp với Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trong hai năm liên tiếp theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp, thì Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo bằng văn bản về việc vi phạm và yêu cầu doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thông báo. Sau thời hạn đó, nếu doanh nghiệp không báo cáo, thì Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh công bố công khai hành vi vi phạm và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4. Trường hợp doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 116 Luật Doanh nghiệp đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày có yêu cầu bằng văn bản theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp, thì trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn của thông báo lần thứ nhất, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo lần thứ hai yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định.

Sau khi kết thúc thời hạn của thông báo lần thứ hai mà doanh nghiệp vẫn không có báo cáo bằng văn bản như quy định, thì Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến trụ sở của Phòng để giải trình.

Trường hợp người được yêu cầu không đến, thì Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh công bố công khai hành vi vi phạm và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5. Trường hợp Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phát hiện doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề bị cấm, thì thông báo bằng văn bản yêu



câu doanh nghiệp chấm dứt ngay việc kinh doanh ngành, nghề đó. Nếu doanh nghiệp vẫn tiếp tục kinh doanh ngành, nghề bị cấm, thì Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời thông báo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Sau khi công bố các hành vi vi phạm của doanh nghiệp theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh buộc doanh nghiệp làm thủ tục giải thể theo quy định tại khoản 5 Điều 112 Luật Doanh nghiệp và xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh.

7. Trường hợp cơ quan quản lý chuyên ngành phát hiện doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật, thì trực tiếp xử lý theo thẩm quyền được pháp luật quy định hoặc thông báo với Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh để xử lý.

#### Chương IV

### ĐĂNG KÝ KINH DOANH ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH CÁ THỂ

#### Điều 17. Hộ kinh doanh cá thể.

1. Hộ kinh doanh cá thể do một cá nhân hoặc hộ gia đình làm chủ, kinh doanh tại một địa điểm cố định, không thường xuyên thuê lao động, không có con dấu và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

2. Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký kinh doanh.

#### Điều 18. Quyền đăng ký kinh doanh.

Tất cả công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng

lực hành vi dân sự đầy đủ; các hộ gia đình đều có quyền đăng ký kinh doanh theo quy định tại Chương này, trừ những người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề.

**Điều 19.** Trình tự và thủ tục đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh cá thể.

1. Cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình gửi đơn đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh.

2. Nội dung đơn đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể gồm có:

- a) Họ tên, chữ ký và nơi cư trú của cá nhân hoặc đại diện hộ gia đình;
- b) Địa điểm kinh doanh;
- c) Ngành, nghề kinh doanh;
- d) Số vốn kinh doanh.

Đối với những ngành, nghề mà luật, pháp lệnh, nghị định quy định phải có chứng chỉ hành nghề, thì kèm theo đơn phải có bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của cá nhân hoặc đại diện hộ gia đình.

Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện không được yêu cầu người đăng ký kinh doanh nộp thêm bất cứ giấy tờ nào khác ngoài hồ sơ quy định tại khoản này.

3. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận đơn, Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể, nếu có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Ngành, nghề kinh doanh không thuộc danh mục ngành, nghề cấm kinh doanh;



b) Trường hợp hộ kinh doanh cá thể có tên riêng, thì tên đó không được trùng với tên của hộ kinh doanh cá thể đã đăng ký trong phạm vi huyện;

c) Nộp đủ lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện không có quyền trì hoãn hoặc từ chối việc đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể với bất cứ lý do nào.

4. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể cho cơ quan thuế cùng cấp.

#### **Điều 20. Thời điểm kinh doanh.**

Hộ kinh doanh cá thể có quyền tiến hành hoạt động kinh doanh sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh phải có điều kiện.

**Điều 21. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh.**

1. Khi thay đổi nội dung kinh doanh đã đăng ký, hộ kinh doanh cá thể thông báo nội dung thay đổi với Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Nếu chuyển địa điểm kinh doanh sang quận, huyện khác, hộ kinh doanh cá thể nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và tiến hành đăng ký kinh doanh tại Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh mới.

3. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh từ ba mươi ngày trở lên, hộ kinh doanh cá thể thông báo với Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi

cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

4. Khi chấm dứt hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể phải nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh cá thể đã đăng ký.

### *Chương V*

## **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 22. Xử lý vi phạm.**

1. Cán bộ, công chức có hành vi cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà đối với tổ chức, cá nhân trong khi giải quyết việc đăng ký kinh doanh, trong kiểm tra các nội dung đăng ký kinh doanh, thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho người có đủ điều kiện hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho người không đủ điều kiện, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Trường hợp gây thiệt hại do hành vi vi phạm quy định tại khoản này gây ra, thì cán bộ, công chức có liên quan còn phải bồi thường cho tổ chức, cá nhân bị thiệt hại.

3. Người có một trong các hành vi vi phạm sau đây, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật:

a) Kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hộ kinh doanh cá thể mà không đăng ký kinh doanh theo Nghị định này;



b) Tiếp tục kinh doanh khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Kê khai không trung thực, không chính xác, không kịp thời đăng ký thay đổi nội dung trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp;

d) Cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế;

đ) Không gửi báo cáo tài chính hàng năm đến cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế hoặc gửi báo cáo không trung thực, không chính xác.

#### **Điều 23. Hiệu lực thi hành.**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày, kể từ ngày ban hành; những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

2. Chương IV Nghị định này thay thế Nghị định số 66-HĐBT ngày 02 tháng 3 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng về cá nhân và nhóm kinh doanh có vốn thấp hơn vốn pháp định quy định trong Nghị định số 221-HĐBT ngày 23 tháng 7 năm 1991.

Cá nhân, nhóm kinh doanh hoạt động theo Nghị định số 66-HĐBT ngày 02 tháng 3 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng không phải làm lại thủ tục đăng ký kinh doanh quy định tại Chương IV Nghị định này, nhưng có quyền đổi giấy phép kinh doanh lấy Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy phép kinh doanh được cấp theo Nghị định số 66-HĐBT ngày 02 tháng 3 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng mà còn thời hạn hiệu lực, có giá trị như Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh cá thể theo quy định tại Nghị định này.

Cá nhân và nhóm kinh doanh hoạt động theo Nghị định số 66-HĐBT ngày 02 tháng 3 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng đang kinh doanh tại 2 địa điểm trở lên và thường xuyên thuê lao động phải lựa chọn loại hình doanh nghiệp để đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân đã thành lập theo quy định của Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân ngày 21 tháng 12 năm 1990, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công ty, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp tư nhân ngày 22 tháng 6 năm 1994 không phải làm thủ tục đăng ký lại.

#### **Điều 24. Hướng dẫn thi hành.**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

096661226

### **NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 03/2000/ND-CP ngày 03/2/2000 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12 tháng 6 năm 1999;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,*